

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Hiệp
Ông Nguyễn Thành Hạnh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đào Thị Quỳnh Nga - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước:* không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2015/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* **Nguyễn Nhật D, sinh năm 1974

Trú tại: Đội 1, ấp L, Xã T, huyện Đ, tỉnh B

Bị đơn:* **Cao Thị B, sinh năm 1971

Trú tại: Đội 1, ấp L, Xã T, huyện Đ, tỉnh B

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2018, bản tự khai và biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Nhật D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Nhật D và chị Cao Thị B chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 1994, có làm đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Vợ sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau càng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi nhau, lời qua tiếng lại với nhau nên tình cảm vợ chồng không được hạnh phúc. Từ tháng 8/2017 cho đến nay, anh D và chị B sống ly thân nhau, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay, anh D xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự hết nên đề nghị tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Cao Thị B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 26/3/1996. Khi ly hôn, do con đã trên 18 tuổi nên anh D không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải đề ngày 28/5/2018 và tại phiên tòa bị đơn chị Cao Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị B và anh Nguyễn Nhật D chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 1994, có làm đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn như anh D trình bày là đúng.

Sau khi kết hôn, chị B và anh D sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, anh D quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác nên dẫn đến vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, chị B đã tha thứ cho anh D nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ làm ăn nuôi con nhưng anh D không thay đổi. Sự việc này gia đình bên anh D cũng can thiệp khuyên can nhiều lần nhưng anh D nói là để tự giải quyết. Nay, chị B xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên trước yêu cầu ly hôn của anh D thì chị B cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 26/3/1996. Khi ly hôn, do cháu T đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

XÉT THẤY

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2018, nguyên đơn là anh Nguyễn Nhật D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Cao Thị B và không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là chị Cao Thị B cư trú tại đội 1, ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn anh Nguyễn Nhật D và bị đơn chị Cao Thị B.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Nhật D và chị Cao Thị B chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 1994, không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, có làm đám cưới theo phong tục địa phương. Đây là cuộc hôn nhân bất hợp pháp do không tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã quy định tại khoản 1 Điều 9 do đó không làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác, trong cuộc sống vợ chồng giữa hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp, không tôn trọng, không tin tưởng và quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Nhật D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn và bị đơn

Cao Thị B cũng đồng ý ly hôn. Do đây là cuộc hôn nhân không hợp pháp nên cần áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Nguyễn Nhật D và bị đơn Cao Thị B là phù hợp.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn Nguyễn Nhật D và bị đơn Cao Thị B có 01 con chung tên là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 26/3/1996. Khi ly hôn, do cháu T đã trên 18 tuổi và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Nguyễn Nhật D và bị đơn Cao Thị B.

2. **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Nguyên đơn Nguyễn Nhật D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024688 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương